

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2020

*“V/v xin ly hôn
và quyền trực tiếp nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Thùy Trang
2. Ông Phan Văn Truyen

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã KT.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 93/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “xin ly hôn và quyền trực tiếp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim X, sinh năm 1992;

- *Bị đơn:* Ông Võ Đăng L, sinh năm 1991;

Cả hai cùng địa chỉ: Số 41, đường Nguyễn Thị Thời, Khu phố 1, Phường 2, thị xã KT, tỉnh LA.

(Bà X và ông L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim X: Bà X yêu cầu ly hôn với ông Võ Đăng L; Về con chung, có hai con chung tên Võ Tiến Phát, sinh ngày 02/5/2014 và Võ Tấn Phát, sinh ngày 04/11/2019, khi ly hôn bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung bà X không yêu cầu giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của ông Võ Đăng L: Ông L vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà X cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà X (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của hai con (bản sao); Đơn xác nhận nơi cư trú của ông L.

Chứng cứ do ông Võ Đăng L cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà X trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 05/10/2020 như sau: Bà và ông L có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2014

tại UBND Phường 2, thị xã KT. Sau khi chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian trở lại đây thì thường xuyên mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Nay bà X xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên xin ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có hai con chung tên Võ Tiến Phát, sinh ngày 02/5/2014 và Võ Tấn Phát, sinh ngày 04/11/2019, khi ly hôn bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên công khai, tiếp cận chứng cứ cũng như tại phiên tòa ông L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà X và ông L xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Kim X và ông Võ Đăng L kết hôn năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, thị xã KT, tỉnh LA vào ngày 25/3/2014 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X khởi kiện xin ly hôn và quyền trực tiếp nuôi con là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt: Ông L vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân giữa bà Võ Thị Kim X và ông Võ Đăng L: Bà X trình bày về mâu thuẫn giữa bà và ông L là trầm trọng và không thể hàn gắn. Ông L vắng mặt không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà X. Việc ông L vắng mặt thể hiện ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời trình bày của bà X thì hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không sống chung với nhau. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà X và ông L không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của X đối với ông L là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Võ Tiến Phát, sinh ngày 02/5/2014 và Võ Tấn Phát, sinh ngày 04/11/2019, khi ly hôn bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện hiện tại của bà X là tốt hơn, giúp cho con chung phát

triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên yêu cầu của bà X có cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà X không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; Ông L vắng mặt không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà Võ Thị Kim X đối với ông Võ Đăng L.

- Bà Võ Thị Kim X được ly hôn với ông Võ Đăng L.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai con chung tên Võ Tiên Phát, sinh ngày 02/5/2014 và Võ Tấn Phát, sinh ngày 04/11/2019 cho bà Võ Thị Kim X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Đăng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Kim X phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai số 0009392 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã KT sang thi hành án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã KT;
- CC.THADS thị xã KT
- UBND Phường 2, thị xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Khanh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 6 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Vũ Khanh

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nhữ, ông Võ Ngọc Bội

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp Bằng Lăng, xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh LA;

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài Bảo, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp Gò Dò, xã Bình Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh LA.

(Bà Hương vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Bảo vắng mặt không có lý do)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc Hương và ông Nguyễn Hoài Bảo về việc “xin ly hôn”; Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương được ly hôn với ông Nguyễn Hoài Bảo.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc Hương, bà Hương được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Hồng Gấm, sinh ngày 28/7/2014, ông Nguyễn Hoài Bảo không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Hương phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Hương

đã nộp theo biên lai số 0003088 ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa sang thi hành án phí, bà Hương đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Án xử công khai sơ thẩm: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nhữn Võ Ngọc Bội

Nguyễn Vũ Khanh